

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 04/2018/DS-ST

Ngày: 03-4-2018

V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nữ Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chau Khiêng Sóc

Bà Nguyễn Thúy P

Thư ký phiên tòa: Ông Chau Chanh Đô Ra – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Thị Thái Hòa – Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 4 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2017/TLST-DS ngày 05/12/2017 về “*tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXX-DS ngày 05 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Tổ 8, ấp A, xã L, huyện T, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1970 (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp A, xã L, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Nguyên bà Nguyễn Thị P có làm chủ 01 dây hụi 1.000.000 đồng, hụi được mở vào ngày 30-11-2016 âm lịch (nhằm ngày 28-12-2016 dương lịch) dây hụi này tổng cộng có 30 hụi viên, trong đó bà tham gia 04 phần hụi, loại hụi 15 ngày khui một lần. Bà đã đóng hụi cho bà P được 05 lần cụ thể như sau:

+ Khui lần thứ nhất: bà T bỏ 100.000 đồng, bà T châu 900.000 đồng x 04 phần = 3.600.000 đồng;

+ Khui lần thứ hai: bà T bỏ 220.000 đồng, bà T châu 780.000 đồng x 04 phần = 3.120.000 đồng;

+ Khui lần thứ ba: bà T bỏ 250.000 đồng, bà T châu 750.000 đồng x 04 phần = 3.000.000 đồng

+ Khui lần thứ tư: bà T bỏ 290.000 đồng, bà T châu 710.000 đồng x 04 phần = 2.840.000 đồng

+ Khui lần thứ năm: bà T bỏ 200.000 đồng, bà T châu 800.000 đồng x 04 phần = 3.200.000 đồng.

Tổng cộng bà T đã châu cho bà P số tiền hụi là 15.760.000 đồng. sau đó đến tháng 02-2017 âm lịch bà P tuyên bố ngưng hụi, bà T đã nhiều lần yêu cầu bà P trả lại tiền hụi, nhưng bà P không trả. Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị P trả số tiền 15.760.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị P trình bày: Bà thừa nhận có làm chủ dây hụi 1.000.000 đồng, khởi sự ngày 30-11-2016 (âm lịch), có 30 hụi viên tham gia, trong đó bà Nguyễn Thị T tham gia 04 phần, bà T đã đóng được cho bà tổng cộng 05 lần như phần trình bày của bà T với tổng số tiền 15.760.000 đồng, đến tháng 02-2017 bà tuyên bố ngưng hụi, bà còn nợ lại bà T số tiền 15.760.000 đồng, do hiện nay có nhiều người không trả tiền hụi cho bà nên bà không có khả năng trả cho bà T một lần với số tiền trên, bà xin trả dần cho bà T mỗi tháng 200.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tòa án đã tổ chức hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Thị P phải trả số tiền 15.760.000 đồng (mười lăm triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Theo lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa án bà Nguyễn Thị P thừa nhận còn nợ lại của bà Nguyễn Thị T số tiền hụi là 15.760.000 đồng (mười lăm triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng). Bà xin được trả dần số nợ trên mỗi tháng 200.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuy nhiên vẫn còn một số thiếu sót như: Ban hành Quyết định về việc phân công Thẩm phán giải quyết vụ án dân sự trễ hạn 04 ngày là chưa đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 191 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc chấp hành pháp luật: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và tại phiên tòa hôm nay nhận thấy: Bị đơn tuy vắng mặt tại phiên tòa không ghi nhận được ý kiến nhưng quá trình hòa giải, lấy lời khai đều thừa nhận nợ tiền hụi của bà T là 15.760.000 đồng, cũng phù hợp với tài liệu, chứng cứ mà bà P cung cấp và trình bày. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà T là có cơ sở chấp nhận. Riêng yêu cầu của bà P xin trả dần mỗi tháng 200.000 đồng không được nguyên đơn đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

Do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên bà P phải chịu án phí DSST 788.000 đồng.

Từ những phân tích trên, đề nghị Tòa án xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nội dung mà các bên đương sự tranh chấp liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng góp hụi là loại tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và do bị đơn bà Nguyễn Thị P có nơi cư trú tại xã L, huyện T, tỉnh An Giang căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Bà Nguyễn Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, bà P có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị P.

[3] Về nội dung tranh chấp: Bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị P đều thừa nhận hai bên có tham gia chơi hụi, theo đó bà Nguyễn Thị T có tham gia chơi hụi do bà P làm chủ, dây hụi 1.000.000 đồng, được mở vào ngày 30-11-2016 âm lịch dây hụi này bà tham gia 04 phần và đã châu được 05 lần với số tiền 15.760.000 đồng, đến tháng 2-2017 âm lịch bà P tuyên bố ngưng hụi, sau khi ngưng hụi, bà T nhiều lần yêu cầu bà P trả số tiền trên, bà P hẹn nhiều lần không trả. Nay bà T yêu cầu bà P trả số tiền 15.760.000 đồng, bà P đồng ý trả số tiền 15.760.000 đồng cho bà T. Hội đồng xét xử xét thấy giao dịch dân sự giữa bà T và bà P là các bên cùng thỏa thuận chơi và hốt hụi, trong quá trình các bên tham gia giao dịch, bà T đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình là châu hụi đúng và đủ kỳ, nhưng bà P không hoàn thành nghĩa vụ của mình mà lại ngưng hụi, lẽ ra sau khi ngưng hụi bà P phải trả lại cho bà T số tiền hụi mà bà T đã châu, nhưng bà P đã vi phạm nghĩa vụ, nên bà T khởi kiện yêu cầu bà P trả số tiền hụi 15.760.000 đồng là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà Nguyễn Thị P phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 15.760.000 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi suất do bà T không yêu cầu bà P trả tiền lãi suất, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với yêu cầu xin trả dần của bà Nguyễn Thị P mỗi tháng 200.000 đồng cho đến khi dứt nợ, bà T không đồng ý. Do vậy Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà P.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T được chấp nhận nên bà T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 15 Nghị định 144/2006/NĐ – CP, ngày 27-11-2006 của Chính Phủ.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị P phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 15.760.000 đồng (Mười lăm triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Về án phí: Bà Nguyễn Thị P phải nộp 788.000 đồng (bảy trăm tám mươi tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T được nhận lại 404.000 đồng (bốn trăm lẻ bốn ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0018218 ngày 29/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Huyện Tri Tôn;
- Chi Cục THADS Huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Nữ Ngọc Lan